TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 229/2022/DS-ST
Ngày: 16-8-2022
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Trà

2. Ông Đặng Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-DS ngày 09/02/2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 *và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A
Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991; Địa chỉ: 266 – 268 Đường B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản ủy quyền số 128/2021/UQ-TTT ngày 25/3/2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Hoàng Ngân K, sinh năm 1976 (Vắng mặt không rõ lý do)
Địa chỉ: Số 15 đường S, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và các bản tự khai của ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, bà Trần Hoàng Ngân K ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – gọi tắt là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Loại thẻ Visa, số thẻ 436438-8086, hạn mức

70.000.000 đồng, lãi suất 2,4%.

Sau khi được cấp thẻ, bà K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 548.440.675 đồng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm (Điều 22 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà K phải chịu các khoản phí theo Điều 24 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết thể hiện trong Tóm tắt sao kê. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 486.535.000 đồng, số tiền này được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng theo thứ tự: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà K vẫn không thiện chí trả nợ.

Do bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 06 tháng 8 năm 2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là 75.622.993 đồng (Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng).

Tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2022, bà K còn nợ tiền vốn gốc và tiền lãi của Ngân hàng tổng số 147.937.261 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K trả nợ gốc 75.622.993 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2022 là 72.314.268 đồng (lãi suất 2,4% x 150% = 3,6%), tổng cộng là 147.937.261 đồng. Bà K còn phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bà K để tự khai và bà K đã làm bản tự khai ngày 22/6/2022 cũng thừa nhận có sử dụng thẻ; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà K vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền vốn gốc và tiền lãi tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2022 là 147.937.261 đồng, trong đó nợ gốc là 75.622.993 đồng và tiền lãi quá hạn: 72.314.268 đồng; và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quốc tế hai bên đã ký.

Bị đơn, bà Trần Hoàng Ngân K vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2022 là 147.937.261 đồng, trong đó nợ gốc là 75.622.993 đồng và lãi quá hạn:

72.314.268 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2022 cho đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất quá hạn hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quốc tế hai bên đã ký là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có đơn yêu cầu bà Trần Hoàng Ngân K trả tiền vay từ hợp đồng dùng thẻ tín dụng còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Căn cứ Đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/3/2019 giữa Ngân hàng với bà K; Kết quả xác minh của Công an Phường 04, quận Tân Bình thể hiện: bà Trần Hoàng Ngân K có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại số 15 đường S, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bà K thực tế cư trú tại địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về người tham gia tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 29 tháng 7 năm 2022, lần thứ hai ngày 16 tháng 8 năm 2022), nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc* 77.622.993 đồng. *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm. Theo đó Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 70.000.000 đồng cho Bị đơn với mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo bảng tóm tắt sao kê nợ chưa thanh toán của khách hàng Trần Hoàng Ngân K thì tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2022 Bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 75.622.993 đồng và Bị đơn có bản tự khai ngày 22 tháng 6 năm 2022 cũng thừa nhận có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 11/3/2019 nên Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 75.622.993 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn:*

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn căn cứ theo quy định Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hai bên đã ký ngày 11 tháng 3 năm 2019 (lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận*

về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định: "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*". Ngoài ra tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: "*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*".

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi quá hạn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18 tháng 6 năm 2022 là 72.314.268 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 06/8/2020, Bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Nguyên đơn.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 147.937.261 đồng. Hoàn lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.432.400 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc bà Trần Hoàng Ngân K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16 tháng 8 năm 2022 là 147.937.261 (Một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi mốt) đồng trong đó nợ gốc là 75.622.993 đồng; tiền lãi quá hạn 72.314.268 đồng.

Buộc bà Trần Hoàng Ngân K tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hai bên đã ký ngày 11/3/2019 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đính kèm.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bà Trần Hoàng Ngân K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.396.863 (bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.432.400 (hai triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0030929 ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Lương Nguyễn Văn Bình	**Trần Văn Long**